VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ [1]

Quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp

Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2015, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 07/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2019 *(Thông tư này được đính chính bởi Quyết định số 296/QĐ-BTC ngày 27 tháng 02 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đính chính Thông tư số 07/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi,*

---

[1] Văn bản này được hợp nhất từ 02 Thông tư sau:

- Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2015.

- Thông tư số 07/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2019.

Văn bản hợp nhất này không thay thế 02 Thông tư nêu trên.

bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp);

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 sửa đổi một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan,[2]

---

[2] Thông tư số 07/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp, có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;

Căn cứ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp, đại lý, dự án được áp dụng chế độ ưu tiên; thủ tục thẩm định, công nhận, tạm đình chỉ, đình chỉ, chế độ quản lý đối với doanh nghiệp, đại lý và dự án được áp dụng chế độ ưu tiên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.

2. Đại lý làm thủ tục hải quan.

3. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa để thực hiện dự án đầu tư trọng điểm được Thủ tướng Chính phủ cho ý kiến trước khi cấp phép đầu tư đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản.

4. Cơ quan hải quan, cơ quan thuế.

5. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Doanh nghiệp ưu tiên" là doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được cơ quan hải quan công nhận là doanh nghiệp ưu tiên.

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp."

2. "Đại lý ưu tiên" là doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan được cơ quan hải quan công nhận là doanh nghiệp ưu tiên.

3. "Dự án ưu tiên" là dự án đầu tư trọng điểm được Thủ tướng Chính phủ cho ý kiến trước khi cấp phép đầu tư đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản và được cơ quan hải quan công nhận áp dụng chế độ ưu tiên.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng chế độ ưu tiên

1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp ưu tiên hoặc dự án ưu tiên hoặc do đại lý ưu tiên đứng tên trên tờ khai được áp dụng chế độ ưu tiên về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan quy định tại Thông tư này đối với tất cả các loại hình xuất khẩu, nhập khẩu, ở tất cả các đơn vị hải quan trong toàn quốc.

2. Ngoài các ưu tiên được quy định tại Thông tư này, doanh nghiệp ưu tiên còn được hưởng các ưu tiên khác trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chương II
CHẾ ĐỘ ƯU TIÊN

Điều 5. Miễn kiểm tra chứng từ, miễn kiểm tra thực tế hàng hóa

1. Miễn kiểm tra chứng từ liên quan thuộc hồ sơ hải quan, miễn kiểm tra thực tế hàng hóa trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc kiểm tra ngẫu nhiên để đánh giá sự tuân thủ pháp luật. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định việc kiểm tra ngẫu nhiên quy định tại Điều này.

2.[3] Việc kiểm tra thực tế hàng hóa.

a. Đối với doanh nghiệp chế xuất, việc kiểm tra thực tế hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được thực hiện khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật hải quan.

---

[3] Cụm từ "phải được thực hiện bằng máy soi" tại nội dung Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 07/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2019.

b. Đối với doanh nghiệp khác, tỷ lệ kiểm tra ngẫu nhiên không quá 0,5% trên tổng tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu.

Điều 6. Thực hiện thủ tục hải quan bằng tờ khai chưa hoàn chỉnh [4]

1. Được làm thủ tục hải quan bằng tờ khai hải quan chưa hoàn chỉnh trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan của cơ quan hải quan. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai, người khai hải quan cập nhật dữ liệu và các chứng từ có liên quan thuộc hồ sơ hải quan theo quy định tại Điều 24 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 vào hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan của cơ quan hải quan.

2. Trường hợp hệ thống dữ liệu điện tử của cơ quan hải quan gặp sự cố hoặc tạm dừng hoạt động, doanh nghiệp được làm thủ tục hải quan bằng Tờ khai giấy (mẫu 01/DNUT ban hành kèm theo Thông tư này), trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai, người khai hải quan nộp bộ hồ sơ hải quan hoàn chỉnh cho Chi cục Hải quan nơi doanh nghiệp mở tờ khai. Chi cục Hải quan nơi doanh nghiệp ưu tiên mở tờ khai hướng dẫn doanh nghiệp ưu tiên cập nhật dữ liệu tờ khai hải quan.

Điều 7. Ưu tiên thứ tự làm thủ tục hải quan

1. Được cơ quan hải quan ưu tiên kiểm tra thực tế hàng hóa trước bằng máy soi đối với trường hợp kiểm tra ngẫu nhiên để đánh giá tuân thủ khai báo hải quan.

2. Trường hợp doanh nghiệp gặp vướng mắc trong khâu thông quan, Chi cục Hải quan có trách nhiệm trả lời doanh nghiệp bằng văn bản trong thời gian 8 (tám) giờ làm việc kể từ thời điểm phát sinh vướng mắc.

3.[5] *Được cơ quan hải quan và các cơ quan kinh doanh cảng, kho bãi ưu tiên làm thủ tục giao nhận hàng hóa trước, ưu tiên kiểm tra giám sát trước.*

---

[4] Tên Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 07/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2019.

[5] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 07/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2019.

4. Trường hợp doanh nghiệp có yêu cầu xem hàng hóa trước hoặc lấy mẫu thì được ưu tiên làm thủ tục xem hàng trước, lấy mẫu trước.

5.[6] ***(được bãi bỏ)***

Điều 8. Kiểm tra chuyên ngành [7]

1. Doanh nghiệp được đưa hàng hóa nhập khẩu về kho của doanh nghiệp để bảo quản trong khi chờ kết quả kiểm tra chuyên ngành, trừ trường hợp pháp luật kiểm tra chuyên ngành có quy định hàng hóa kiểm tra tại cửa khẩu.

2. Trường hợp cần lấy mẫu để kiểm tra chuyên ngành thì được ưu tiên lấy mẫu hàng hóa trước

Điều 9. Thủ tục về thuế [8]

1. Được hoàn thuế trước, kiểm tra sau. Hồ sơ hoàn thuế thực hiện theo Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ; thủ tục nộp, tiếp nhận, xử lý hồ sơ hoàn thuế thực hiện theo quy định tại Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ, Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 và Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Căn cứ trên kết quả tự tính, tự khai của doanh nghiệp, cơ quan hải quan kiểm tra tính phù hợp về hồ sơ. Thời gian ra quyết định hoàn thuế không quá 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp.

---

[6] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 07/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2019.

[7] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 07/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2019.

[8] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 07/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2019.

2. Thời hạn nộp thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp ưu tiên thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016.

3. Được ưu tiên khi thực hiện các thủ tục về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế

Điều 10. Thủ tục xuất nhập khẩu tại chỗ

Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ; nguyên liệu, linh kiện, phụ tùng phục vụ sản xuất của doanh nghiệp mua từ kho ngoại quan được thực hiện nhập khẩu hàng hóa trước, khai hải quan sau. Thủ tục hải quan thực hiện như khoản 6 Điều 86 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015.

Điều 11. Kiểm tra sau thông quan

1. Được ưu tiên miễn kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

2. Cơ quan hải quan kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan không quá 1 lần trong 3 năm liên tục trên cơ sở quản lý rủi ro kể từ ngày được Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan công nhận là doanh nghiệp ưu tiên trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật hải quan.

3. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định việc kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan.

Chương III
ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG CHẾ ĐỘ ƯU TIÊN

Điều 12. Điều kiện tuân thủ pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế

Trong thời hạn 02 (hai) năm liên tục, gần nhất tính đến thời điểm doanh nghiệp có văn bản đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên, doanh nghiệp không vi phạm các quy định của pháp luật về thuế, hải quan tới mức bị xử lý vi phạm về các hành vi sau:

1. Các hành vi trốn thuế, gian lận thuế; buôn lậu và vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;

2. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan có hình thức, mức xử phạt vượt thẩm quyền Chi cục trưởng Chi cục Hải quan và các chức danh tương đương;

3. Đối với đại lý làm thủ tục Hải quan, số tờ khai Hải quan đại lý làm thủ tục đứng tên bị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực Hải quan, lĩnh vực Thuế thuộc thẩm quyền xử lý của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan và chức danh tương đương không vượt quá tỷ lệ 0,5% tính trên tổng số tờ khai đã làm thủ tục Hải quan.

4. Không nợ thuế quá hạn theo quy định.

Điều 13. Điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu

1. Doanh nghiệp đạt kim ngạch xuất nhập khẩu từ 100 triệu USD/năm trở lên.

2. Doanh nghiệp đạt kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sản xuất tại Việt Nam từ 40 triệu USD/năm trở lên.

3. Doanh nghiệp đạt kim ngạch xuất khẩu hàng hóa là nông sản, thủy sản sản xuất hoặc nuôi, trồng tại Việt Nam từ 30 triệu USD/năm trở lên.

4. Đại lý thủ tục hải quan: số tờ khai hải quan đã làm thủ tục hải quan đứng tên đại lý trong năm đạt từ 20.000 tờ khai/năm trở lên.

Kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này là kim ngạch bình quân của 02 (hai) năm liên tục, gần nhất tính đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị xem xét, không bao gồm kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu ủy thác.

5. Không áp dụng điều kiện kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu đối với các doanh nghiệp được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận là doanh nghiệp công nghệ cao theo quy định của Luật Công nghệ cao.

Điều 14. Điều kiện về thủ tục hải quan điện tử, thủ tục thuế điện tử

Thực hiện thủ tục hải quan điện tử, thủ tục thuế điện tử; có chương trình công nghệ thông tin quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp đảm bảo yêu cầu kiểm tra của cơ quan hải quan.

Điều 15. Điều kiện về thanh toán hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

Thực hiện thanh toán đối với các lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu qua ngân hàng theo quy định của ngân hàng nhà nước. Doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo cho cơ quan hải quan số tài khoản, danh sách các ngân hàng giao dịch.

Điều 16. Điều kiện về hệ thống kiểm soát nội bộ

Doanh nghiệp đạt điều kiện về hệ thống kiểm soát nội bộ nếu doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện sau:

1. Doanh nghiệp thực hiện và duy trì các quy trình quản lý, giám sát, kiểm soát vận hành thực tế toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp;

2. Doanh nghiệp có các biện pháp, phương tiện, quy trình kiểm soát nội bộ đảm bảo an ninh an toàn dây chuyền cung ứng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu như sau:

a. Theo dõi quá trình vận chuyển hàng hóa từ doanh nghiệp đến cảng và từ cảng về doanh nghiệp;

b. Kiểm tra an toàn container trước khi xếp hàng lên phương tiện vận tải;

c. Giám sát tại các vị trí quan trọng: Khu vực tường rào, cổng ra vào, kho bãi, khu vực sản xuất, khu vực hành chính;

d. Phân quyền công nhân viên di chuyển, làm việc tại các khu vực phù hợp với nhiệm vụ;

đ. Kiểm soát an ninh hệ thống công nghệ thông tin;

e. An ninh nhân sự.

Điều 17. Điều kiện chấp hành tốt pháp luật về kế toán, kiểm toán

1. Áp dụng các chuẩn mực kế toán theo quy định của Bộ Tài chính;

2. Báo cáo tài chính hàng năm phải được kiểm toán bởi công ty kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập. Ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính nêu trong báo cáo kiểm toán phải là ý kiến chấp nhận toàn phần theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam;

CHƯƠNG IV
THỦ TỤC THẨM ĐỊNH, CÔNG NHẬN, TẠM ĐÌNH CHỈ, ĐÌNH CHỈ DOANH NGHIỆP ƯU TIÊN

Điều 18. Hồ sơ đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên

1.[9] Doanh nghiệp đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Thông tư này, có nhu cầu được áp dụng chế độ ưu tiên, gửi hồ sơ bản giấy đến Tổng cục Hải quan để được xem xét công nhận. Hồ sơ bao gồm:

a. Văn bản đề nghị theo mẫu 02a/DNUT[10] ban hành kèm Thông tư này: 01 bản chính;

b. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán trong 02 (hai) năm tài chính liên tục, gần nhất: 01 bản chụp;

c. Báo cáo kiểm toán trong 02 (hai) năm tài chính liên tục, gần nhất: 01 bản chụp;

d. Bản kết luận thanh tra trong 02 (hai) năm gần nhất (nếu có): 01 bản chụp;

đ. Bản mô tả hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp trong đó mô tả đầy đủ quy trình quản lý, giám sát, kiểm soát vận hành thực tế trong toàn bộ dây chuyền cung ứng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp: 01 bản chính;

e. Các giấy chứng nhận khen thưởng, chứng chỉ chất lượng (nếu có): 01 bản chụp.

2. Đối với dự án đầu tư trọng điểm được Thủ tướng Chính phủ có ý kiến trước khi cấp phép đầu tư đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản, chủ đầu tư có hồ sơ gửi Tổng cục Hải quan đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên. Hồ sơ bao gồm:

a. Văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên và cam kết triển khai dự án đúng tiến độ theo mẫu 02b/DNUT ban hành kèm theo Thông tư này: 01 bản chính;

b. Giấy chứng nhận đầu tư, Giải trình kinh tế kỹ thuật: 01 bản chụp.

---

[9] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 07/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2019.

[10] Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 07/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2019.

Điều 19. Thẩm định điều kiện để áp dụng chế độ ưu tiên[11]

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 18 Thông tư này, Tổng cục Hải quan thẩm định, kết luận về việc công nhận doanh nghiệp ưu tiên.

Đối với các trường hợp phức tạp, cần lấy ý kiến các Bộ, ngành liên quan thì thời gian thẩm định có thể được kéo dài nhưng không quá 30 ngày.

2. Thẩm định hồ sơ.

a) Tổng cục Hải quan kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ hồ sơ của doanh nghiệp và dự án đầu tư trọng điểm nộp theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 18 Thông tư này; đối chiếu thông tin doanh nghiệp cung cấp, thông tin thu thập về doanh nghiệp từ cơ quan thuế và cơ quan hải quan nơi doanh nghiệp có trụ sở chính và nơi doanh nghiệp thường xuyên có hoạt động xuất, nhập khẩu với điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên quy định tại Chương III Thông tư này.

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên, Tổng cục Hải quan có văn bản thông báo để doanh nghiệp nộp bổ sung.

c) Trường hợp hồ sơ doanh nghiệp không đáp ứng điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định, Tổng cục Hải quan có văn bản trả lời doanh nghiệp, nêu rõ lý do không đáp ứng.

d) Trường hợp kết quả kiểm tra hồ sơ doanh nghiệp đáp ứng điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định, Tổng cục Hải quan thẩm định thực tế tại doanh nghiệp.

3. Thẩm định thực tế tại doanh nghiệp.

a) Tổng cục Hải quan tổ chức thực hiện thẩm định thực tế tại doanh nghiệp. Nội dung thẩm định thực tế gồm:

a.1) Đối chiếu kết quả kiểm tra thực tế với thông tin khai báo của doanh nghiệp.

---

[11] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 07/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2019.

a.2) Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan để đánh giá việc tuân thủ pháp luật nếu trong thời gian 24 (hai mươi tư) tháng liên tục, gần nhất tính đến thời điểm doanh nghiệp có văn bản đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên, doanh nghiệp chưa được thanh tra, kiểm tra sau thông quan để đánh giá việc tuân thủ pháp luật hải quan, pháp luật thuế.

b) Thời gian thẩm định thực tế tại doanh nghiệp, dự án tối đa 05 (năm) ngày làm việc. Trường hợp phải kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan thì thời gian thực hiện theo pháp luật về kiểm tra sau thông quan.

Điều 20. Quyết định công nhận doanh nghiệp ưu tiên

1. Căn cứ báo cáo của Cục Hải quan tỉnh, thành phố, dữ liệu ngành hải quan, các thông tin thu thập khác và kết quả xác minh thông tin bổ sung (nếu có), trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên, Tổng cục Hải quan trả lời doanh nghiệp nêu rõ lý do không đáp ứng.

2. Trường hợp doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ký Quyết định công nhận doanh nghiệp ưu tiên (*mẫu 03/DNUT* [12] ban hành kèm theo Thông tư này).

Điều 20a. Gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên[13]

Trong thời gian 03 (ba) tháng tính đến thời hạn gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên, Tổng cục Hải quan căn cứ các thông tin thu thập từ các Cục Thuế, Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp có trụ sở chính và nơi doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu về kết quả quản lý, kết quả kiểm tra sau thông quan (nếu có) để quyết định gia hạn.

---

[12] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 07/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2019.

[13] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 07/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2019.

Điều 21. Tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên

1. Trường hợp doanh nghiệp chưa thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 45 Luật Hải quan khi đã được cơ quan hải quan thông báo thì cơ quan hải quan tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày (Quyết định tạm đình chỉ theo *mẫu 04/DNUT* [14] ban hành kèm theo Thông tư này).

2. Trong thời hạn tạm đình chỉ, doanh nghiệp ưu tiên thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 45 Luật Hải quan, khắc phục sai sót (nếu có), cơ quan hải quan hủy Quyết định tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên (Quyết định hủy Quyết định tạm đình chỉ theo *mẫu 05/DNUT* [15] ban hành kèm theo Thông tư này).

Điều 22. Đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên

1. Doanh nghiệp bị đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên trong các trường hợp sau:

a. Doanh nghiệp không còn đáp ứng một trong các điều kiện để áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại Chương III Thông tư này;

b. Hết thời hạn tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên mà doanh nghiệp không thực hiện các quy định tại Điều 45 Luật Hải quan;

c. Doanh nghiệp đề nghị dừng áp dụng chế độ ưu tiên.

2. Trường hợp doanh nghiệp đã bị đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên thì trong 02 (hai) năm tiếp theo, doanh nghiệp không được Tổng cục Hải quan xem xét, công nhận doanh nghiệp ưu tiên.

3. Quyết định đình chỉ theo *mẫu 06/DNUT* [16] ban hành kèm theo Thông tư này.

---

[14] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 07/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2019.

[15] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 07/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2019.

[16] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 07/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2019.

Chương V
THẨM QUYỀN CÔNG NHẬN, TẠM ĐÌNH CHỈ, ĐÌNH CHỈ ÁP DỤNG CHẾ ĐỘ ƯU TIÊN, TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN LIÊN QUAN

Điều 23. Thẩm quyền công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên[17]

Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định việc công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên.

Điều 24. Trách nhiệm của cơ quan liên quan

1. Cơ quan thuế nơi doanh nghiệp đăng ký có trách nhiệm phối hợp với cơ quan hải quan đánh giá việc tuân thủ pháp luật về thuế nội địa, việc thực hiện thủ tục thuế điện tử, thực hiện nghĩa vụ nộp các khoản thuế nội địa của doanh nghiệp.

2. Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan hải quan, cơ quan thuế có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.

Chương VI
QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP ƯU TIÊN

Điều 25. Trách nhiệm quản lý của cơ quan hải quan[18]

Tổng cục Hải quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện:

---

[17] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2019.

[18] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 07/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2019.

1. Quản lý, theo dõi, đánh giá việc chấp hành pháp luật hải quan, pháp luật thuế của doanh nghiệp ưu tiên. Tổng cục Hải quan hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực tuân thủ khi doanh nghiệp có yêu cầu.

2. Hàng năm thu thập thông tin về việc tuân thủ pháp luật thuế, pháp luật hải quan của doanh nghiệp từ Cục Thuế; Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp có trụ sở chính và nơi doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu.

3. Kiểm tra việc duy trì các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên đối với các doanh nghiệp ưu tiên, các dự án đầu tư trọng điểm đã được công nhận và áp dụng chế độ ưu tiên khi dự án hoàn thành và đi vào hoạt động.

4. Áp dụng các chế độ ưu tiên theo quy định tại Thông tư này cho các doanh nghiệp ưu tiên.

5. Thông báo và cập nhật danh sách doanh nghiệp ưu tiên và phối hợp với các doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho bãi để thực hiện chế độ ưu tiên cho doanh nghiệp.

Điều 26. Trách nhiệm của doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên

1. Tuân thủ pháp luật hải quan, pháp luật về thuế, pháp luật về kế toán, kiểm toán.

2. Thực hiện chế độ báo cáo hàng quý (theo mẫu 07/DNUT ban hành kèm theo Thông tư này) bằng phương thức điện tử gửi Tổng cục Hải quan.

3[19]. Trong thời gian 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp nộp cho Tổng cục Hải quan báo cáo tài chính, báo cáo kiểm toán của năm trước.

4. Thực hiện việc tự kiểm tra, phát hiện, khắc phục sai sót, báo cáo cơ quan hải quan; duy trì các điều kiện doanh nghiệp ưu tiên.

5. Khi được cơ quan hải quan thông báo những sai sót hoặc những vấn đề chưa rõ trong hồ sơ hải quan, doanh nghiệp có trách nhiệm kiểm tra, báo cáo đầy đủ, kịp thời những vấn đề cơ quan hải quan thông báo.

6. Thông báo cho Tổng cục Hải quan danh sách Đại lý làm thủ tục hải quan cung cấp dịch vụ cho doanh nghiệp.

---

[19] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 07/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2019.

7.[20] Thông báo bằng văn bản cho Tổng cục Hải quan quyết định xử lý vi phạm pháp luật về thuế, kế toán của cơ quan có thẩm quyền đối với doanh nghiệp trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định.

Chương VII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Trách nhiệm thực hiện

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan căn cứ quy định tại Thông tư này chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị hải quan thực hiện.

2. Tất cả các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có liên quan có trách nhiệm thi hành, thực hiện Thông tư này.

Điều 28. Hiệu lực thi hành [21]

1. Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 86/2013/TT-BTC ngày 27/6/2013 và Thông tư số 133/2013/TT-BTC ngày 24/9/2013 của Bộ Tài chính.

---

[20] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 07/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2019.

[21] Điều 3 của Thông tư số 07/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp *(đã được đính chính theo Quyết định số 296/QĐ-BTC ngày 27 tháng 02 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đính chính Thông tư số 07/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp)*, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2019, quy định như sau:

*"**Điều 3. Hiệu lực thi hành***

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28/3/2019

2. Quá trình thực hiện, nếu các văn bản liên quan đề cập tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế"

3. Doanh nghiệp đã được công nhận là doanh nghiệp ưu tiên theo quy định tại Thông tư số 86/2013/TT-BTC ngày 27/6/2013 và Thông tư số 133/2013/TT-BTC ngày 24/9/2013 của Bộ Tài chính được tiếp tục áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại Thông tư này./.

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 29/VBHN-BTC

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2019
KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Vũ Thị Mai

Mẫu 01/DNUT

HẢI QUAN VIỆT NAM
Cục Hải quan:

TỜ KHAI HẢI QUAN CHƯA HOÀN CHỈNH ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU CỦA DOANH NGHIỆP ƯU TIÊN

Chi cục Hải quan đăng ký tờ khai: **Chi cục Hải quan cửa khẩu:**			**Ngày đăng ký:** **Số tờ khai tham chiếu:** **Loại hình XNK:**
1. Người xuất khẩu: Địa chỉ	MST		4.Số vận đơn: 5.Số hợp đồng:
2. Người nhập khẩu: Địa chỉ	MST		6. Số hóa đơn: 7. Số giấy phép:
3. Đại lý hải quan Địa chỉ	MST		8. Đồng tiền thanh toán: 9. Tỷ giá:
10. Thông tin chung về lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu:			
11. Lượng hàng:			
12.Trị giá (đồng tiền thanh toán):			
13. Cửa khẩu xuất:			
14. Cửa khẩu nhập:			
15. Thời gian phương tiện vận tải vận chuyển lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu			
Loại thuế	Tiền thuế		
16.Thuế xuất khẩu/nhập khẩu			
17. Thuế TTĐB			
18. Thuế BVMT			
19. Thuế GTGT			
20. Tổng số tiền thuế (ô 16+17+18+19): Bằng chữ:			

Số TT	21. Số hiệu container	
1		
2		
3		
4		
		Cộng:

22. Ghi chép khác		23. Tôi xin cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai báo trên tờ khai Ngày tháng năm *(Người khai hải quan ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*
24. Xác nhận của hải quan giám sát	25. Xác nhận giải phóng hàng/ đưa hàng về bảo quản/chuyển cửa khẩu	26. Xác nhận thông quan

* Ghi chú

Ô 22 Ghi chép khác: văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành,...

Ô 15 Thời gian phương tiện vận tải vận chuyển lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu: Thời gian vận chuyển từ kho doanh nghiệp đến cửa khẩu xuất (hàng xuất khẩu); thời gian vận chuyển từ cửa khẩu nhập đến kho doanh nghiệp (hàng nhập khẩu)

Mẫu 02a/DNUT [1]

TÊN CÔNG TY...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..... V/v đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên	*..., ngày... tháng... năm...*

Kính gửi: Tổng cục Hải quan

Tên công ty:...

Mã số thuế:...

Địa chỉ trụ sở:...

Số ĐT:...; số FAX:...

Website:...

Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đầu tư số:.....; cấp lần đầu ngày:.....; cơ quan cấp:...

(Nếu có thay đổi, đề nghị kê khai lần thay đổi cuối cùng như ví dụ sau:

Thay đổi lần... ngày:...; cơ quan cấp:...; Nội dung thay đổi:...)

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:....; cấp lần đầu ngày:....; cơ quan cấp:.....

(Nếu có thay đổi, kê khai tương tự như Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đầu tư)

Loại hình doanh nghiệp:...

Ngành, nghề kinh doanh:...

Đầu mối đại diện của Công ty:.....; Chức vụ:...; Số điện thoại di động:...; E-mail:...

Doanh nghiệp có hoạt động đầu tư sản xuất, gia công, chế biến tại các quốc gia:...

Quy mô đầu tư (Tổng vốn đầu tư):...

Lĩnh vực đầu tư:...

Loại hình kinh doanh XK, NK:...

---

[1] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 07/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2019.

Căn cứ điều kiện doanh nghiệp quy định tại Chương III Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp, Công ty... đã tự đánh giá, đối chiếu với quy định trên đây, nhận thấy có đủ điều kiện để được công nhận là doanh nghiệp ưu tiên theo quy định tại Thông tư số 72/2015/TT-BTC. Chi tiết:

I. Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của Công ty

1. Thực hiện khai hải quan:

□ Trực tiếp khai hải quan và làm các thủ tục khác liên quan đến pháp luật hải quan

□ Thực hiện khai hải quan và làm các thủ tục khác liên quan đến pháp luật hải quan qua đại lý hải quan

Đại lý hải quan thực hiện khai hải quan cho Công ty (tên, mã số thuế, địa chỉ, Giấy chứng nhận đầu tư):... *(Trường hợp khai hải quan qua đại lý làm thủ tục hải quan)*

□ Ý kiến khác *(ví dụ: vừa trực tiếp khai hải quan vừa sử dụng đại lý khai hải quan)*:...

Loại hình xuất khẩu:...

Loại hình nhập khẩu:...

Mặt hàng xuất khẩu chính:...

Mặt hàng nhập khẩu chính:...

Thị trường xuất khẩu chính:...

Thị trường nhập khẩu chính:...

2. Hình thức thanh toán hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu:

Công ty thực hiện thanh toán, giao dịch qua các ngân hàng, tên, số hiệu tài khoản tại ngân hàng:...

II. Thống kê số liệu xuất khẩu, nhập khẩu

Căn cứ thống kê là Khoản... Điều... Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015.

Thời gian thống kê từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...

(ví dụ: thời điểm thống kê là ngày dd/mm/yyyy thì thời gian thống kê là từ ngày 01/01/(yyyy-2) đến ngày dd/mm/yyyy)

Năm báo cáo	Kim ngạch xuất khẩu (USD)				Tổng kim ngạch nhập khẩu (USD)	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu (USD)
	Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa có xuất xứ Việt Nam (USD)	Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa là nông sản, thủy sản sản xuất hoặc nuôi, trồng tại Việt Nam (USD)	Kim ngạch Xuất khẩu hàng hóa khác (USD)	Tổng kim ngạch xuất khẩu (USD)		
20..						
20..						
20.. *(từ 01/01/20.. đến ngày .../.../20..)*						

III. Về thực hiện thủ tục hải quan, thủ tục thuế điện tử

1. Công ty thực hiện thủ tục hải quan điện tử từ tháng... năm...

2. Công ty thực hiện thủ tục thuế điện tử từ tháng... năm...

IV. Về hạ tầng kỹ thuật ứng dụng công nghệ thông tin

1. Phần mềm kế toán doanh nghiệp đang sử dụng:

2. Hạ tầng kỹ thuật ứng dụng công nghệ thông tin của Công ty đáp ứng các yêu cầu sau:

□ Khai báo hải quan điện tử 24/7

□ Có chương trình công nghệ thông tin quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu

□ Đáp ứng yêu cầu báo cáo điện tử của cơ quan hải quan

□ Đáp ứng yêu cầu kiểm tra của cơ quan hải quan

□ Các yêu cầu khác:...

V. Về tuân thủ pháp luật hải quan

Trong 24 tháng trở về trước (tính từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...), Công ty... tự đánh giá là tuân thủ tốt pháp luật hải quan. Căn cứ đánh giá của Công ty là Thông tư..., Nghị định..., Luật...

Số lần Công ty... bị cơ quan hải quan xử phạt vi phạm (nếu có):

(Kê theo từng quyết định xử phạt)

Quyết định xử phạt số:	Ngày:
Cơ quan xử phạt:	
Hành vi vi phạm:	
Số tiền bị xử phạt:	
Hình thức phạt bổ sung (nếu có):	

VI. Về tuân thủ pháp luật thuế

Trong 24 tháng trở về trước (tính từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...), Công ty... tự đánh giá là tuân thủ tốt pháp luật thuế. Căn cứ đánh giá của Công ty là Thông tư..., Nghị định..., Luật...

Số lần Công ty... bị cơ quan thuế xử phạt vi phạm (nếu có):

(Kê theo từng quyết định xử phạt)

Quyết định xử phạt số:	Ngày:
Cơ quan xử phạt:	
Hành vi vi phạm:	
Số tiền bị xử phạt:	
Hình thức phạt bổ sung (nếu có):	

VII. Về chấp hành pháp luật kế toán, pháp luật kiểm toán:

1. Công ty... áp dụng chuẩn mực kế toán được Bộ Tài chính chấp nhận. Mọi hoạt động kinh tế được phản ánh đầy đủ trong sổ kế toán.

2. Báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán...

Giấy chứng nhận đầu tư/ Giấy đăng ký kinh doanh của Công ty kiểm toán: số... cơ quan cấp:... ngày cấp:... *(nếu giấy chứng nhận đầu tư có điều chỉnh, kê khai đầy đủ số, cơ quan cấp, ngày cấp, nội dung điều chỉnh theo từng văn bản điều chỉnh)*

3. Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính được nêu tại Báo cáo kiểm toán:...

VIII. Về tình hình nợ thuế:

(Kê từng khoản nợ thuế trong hạn, nợ thuế quá hạn đối với tất cả các sắc thuế)

...

IX. Về kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán trong 2 năm xem xét:...

X. Thông tin về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý các hoạt động liên quan đến hàng hóa xuất nhập khẩu của Công ty

Công ty cung cấp thông tin theo Bảng câu hỏi đính kèm.

Công ty... xin đảm bảo và chịu trách nhiệm trước pháp luật là những thông tin, tài liệu gửi kèm công văn này là trung thực, chính xác, cam kết chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật và của Thông tư số 72/2015/TT-BTC.

Đề nghị Tổng cục Hải quan xem xét, quyết định công nhận Công ty... là doanh nghiệp ưu tiên./.

(Hồ sơ gửi kèm:...)

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:...

Mẫu 02b/DNUT

Tên dự án...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ...	*..., ngày ... tháng ... năm ...*
V/v đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên	

Kính gửi: Tổng Cục Hải quan.

Tên dự án:...

Chủ đầu tư:...

Mã số thuế:...

Địa chỉ:...

Số ĐT:...; số FAX:...

Email:...

Giấy phép thành lập/ Giấy chứng nhận đầu tư số:...; cấp lần đầu ngày:...; cơ quan cấp:...

(Nếu có thay đổi, đề nghị kê khai đầy đủ từng lần thay đổi như ví dụ sau:

Thay đổi lần... ngày:...; cơ quan cấp:...; Nội dung thay đổi:...)

Danh sách nhà thầu và mã số thuế:...

Đầu mối đại diện của dự án:...; Chức vụ:...; Số điện thoại di động:...; E-mail:...

Quy mô đầu tư (Tổng vốn đầu tư):...

Lĩnh vực đầu tư:...

Loại hình tờ khai XK, NK:...

Thời điểm bắt đầu dự án:...

Tiến độ hiện tại của dự án:...

Thời điểm dự án chính thức đi vào hoạt động:...

Văn bản chấp thuận/ có ý kiến của Thủ tướng chính phủ (số, ngày):...

Căn cứ điều kiện quy định tại Chương III Thông tư số .../.../TT-BTC ngày... tháng... năm... của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp, dự án... đã tự đối chiếu với quy định trên đây, nhận thấy có đủ điều kiện để được áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại Thông tư số .../.../TT-BTC.

Mẫu 02b/DNUT

Dự án... xin đảm bảo và chịu trách nhiệm trước pháp luật là những thông tin, tài liệu gửi kèm công văn này là trung thực, chính xác, cam kết chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật và của Thông tư số .../.../TT-BTC.

Đề nghị Tổng cục Hải quan xem xét, quyết định áp dụng chế độ ưu tiên đối với dự án..../.

(Hồ sơ gửi kèm:...)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:...

ĐẠI DIỆN DỰ ÁN
(ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức danh)

Mẫu 03/DNUT [1]

BỘ TÀI CHÍNH **TỔNG CỤC HẢI QUAN** Số: /QĐ-TCHQ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *..., ngày tháng năm*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận doanh nghiệp ưu tiên

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;

Căn cứ Nghị định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp; Thông tư số...../2019/TT-BTC ngày.... tháng... năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 72/2015/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp;

Xét hồ sơ đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên kèm theo văn bản số... ngày... tháng ... năm ... của Công ty ...;

---

[1] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 07/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2019.

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan tại Tờ trình số ... về việc…,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận doanh nghiệp ưu tiên, áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính đối với Công ty .../Dự án…; Mã số thuế:…; Địa chỉ: ...

Điều 2. Công ty ... có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều ... Thông tư số … ngày … tháng …năm … của Bộ Tài chính và các quy định liên quan của pháp luật.

Điều 3. Thời hạn áp dụng chế độ ưu tiên là 03 năm (ba mươi sáu tháng) kể từ ngày ký Quyết định này. Sau thời hạn này, nếu Công ty đáp ứng các điều kiện quy định thì tiếp tục được áp dụng chế độ ưu tiên.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Công ty ...., Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5 (để t/hiện);
- Các Phó Tổng cục trưởng (để chỉ đạo);
- Các đơn vị thuộc Tổng cục (để t/hiện);
- Cục Thuế tỉnh ... (để phối hợp);
- Lưu: VT, KTSTQ (3b).

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Mẫu 3a/DNUT [1]

BỘ TÀI CHÍNH **TỔNG CỤC HẢI QUAN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /QĐ-TCHQ	*..., ngày tháng năm*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;

Căn cứ Nghị định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp; Thông tư số ...../2019/TT-BTC ngày.... tháng... năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 72/2015/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan tại Tờ trình số ... về việc...,

QUYẾT ĐỊNH:

---

[1] Mẫu này được bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 07/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2019.

Điều 1. Gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính đối với đối với Công ty ...; Mã số thuế:...; Địa chỉ: ...

Điều 2. Công ty ... có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều ... Thông tư số ... ngày ... tháng ...năm ... của Bộ Tài chính và các quy định liên quan của pháp luật.

Điều 3. Thời hạn áp dụng chế độ ưu tiên là 03 năm (ba mươi sáu tháng) kể từ ngày .... Sau thời hạn này, nếu Công ty đáp ứng các điều kiện quy định thì tiếp tục được gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Công ty ...., Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5 (để t/hiện);
- Các Phó Tổng cục trưởng (để chỉ đạo);
- Các đơn vị thuộc Tổng cục (để t/hiện);
- Cục Thuế tỉnh ... (để phối hợp);
- Lưu: VT, KTSTQ (3b).

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Mẫu 04/DNUT [1]

BỘ TÀI CHÍNH **TỔNG CỤC HẢI QUAN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /QĐ-TCHQ	*....., ngày tháng năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;

Căn cứ Nghị định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp; Thông tư số ...../2019/TT-BTC ngày.... tháng... năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 72/2015/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan tại Tờ trình số ..., ngày... về việc...,

QUYẾT ĐỊNH:

---

[1] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 07/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2019.

Điều 1. Tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với Công ty ...; Mã số thuế:...; Địa chỉ: ...

Lý do:....

Thời gian tạm đình chỉ là ... tháng kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Công ty ...., Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để t/hiện);
- Các Phó Tổng cục trưởng (để chỉ đạo);
- Các đơn vị thuộc Tổng cục (để t/hiện);
- Cục Thuế tỉnh ... (để phối hợp);
- Lưu: VT, KTSTQ (3b).

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Mẫu 05/DNUT [1]

BỘ TÀI CHÍNH **TỔNG CỤC HẢI QUAN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /QĐ-TCHQ	*..., ngày tháng năm*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hủy Quyết định tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;

Căn cứ Nghị định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp; Thông tư số ...../2019/TT-BTC ngày.... tháng... năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 72/2015/TT-BTC Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan tại Tờ trình số ..., ngày... về việc...,

QUYẾT ĐỊNH:

---

[1] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 07/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2019.

Điều 1. Hủy Quyết định số .../QĐ-TCHQ ngày... tháng.... năm... của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với Công ty .../ Dự án...; Mã số thuế:...; Địa chỉ: ...

Lý do:....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Công ty ...., Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để t/hiện);
- Các Phó Tổng cục trưởng (để chỉ đạo);
- Các đơn vị thuộc Tổng cục (để t/hiện);
- Cục Thuế tỉnh ... (để phối hợp);
- Lưu: VT, KTSTQ (3b).

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Mẫu 06/DNUT [1]

BỘ TÀI CHÍNH **TỔNG CỤC HẢI QUAN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /QĐ-TCHQ	*..., ngày tháng năm*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;

Căn cứ Nghị định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp; Thông tư số ...../2019/TT-BTC ngày.... tháng... năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 72/2015/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan tại Tờ trình số ..., ngày... về việc...,

QUYẾT ĐỊNH:

---

[1] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 07/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2019.

Điều 1. Đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với Công ty .../ Dự án...; Mã số thuế:...; Địa chỉ: ...

Lý do:.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Công ty ...., Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để t/hiện);
- Các Phó Tổng cục trưởng (để chỉ đạo);
- Các đơn vị thuộc Tổng cục (để t/hiện);
- Cục Thuế tỉnh ... (để phối hợp);
- Lưu: VT, KTSTQ (3b).

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Mẫu 07/DNUT

CÔNG TY .../ DỰ ÁN ...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: .../... V/v báo cáo quý ... năm ... của doanh nghiệp ưu tiên	*..., ngày ... tháng ... năm ...*

Kính gửi: Tổng cục Hải quan.

Công ty .../ Dự án ... báo cáo Tổng cục Hải quan tình hình hoạt động xuất nhập khẩu, tuân thủ pháp luật về hải quan, thuế, kế toán trong quý ... năm ..., cụ thể như sau:

a. Về kim ngạch hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

Năm báo cáo	Kim ngạch xuất khẩu (USD)				Tổng kim ngạch nhập khẩu (USD)	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu (USD)
	Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa có xuất xứ Việt Nam (USD)	Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa là nông sản, thủy sản sản xuất hoặc nuôi, trồng tại Việt Nam (USD)	Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa khác (USD)	Tổng kim ngạch xuất khẩu (USD)		
Quý ... năm 20..						

b. Các vi phạm, các vướng mắc

(Chi tiết theo từng vi phạm: gồm vi phạm pháp luật hải quan, pháp luật thuế, pháp luật kế toán; Chi tiết theo từng vướng mắc)

Các vi phạm: ... Quyết định xử phạt số: ... ngày ... cơ quan ban hành quyết định xử phạt ... Số tiền xử phạt: ... Hình phạt bổ sung: ... Tình hình chấp hành Quyết định xử phạt: ...
Các vướng mắc: ... Các biện pháp xử lý vướng mắc của Cục Hải quan tỉnh, thành phố: ... Các đề xuất của Công ty: ...

Mẫu 07/DNUT

c. Các thay đổi của doanh nghiệp (nếu có)

(Bao gồm: thay đổi chủ đầu tư, giấy phép, giấy chứng nhận đầu tư, đổi tên, đổi mã số thuế, thay đổi địa chỉ trụ sở chính, nhà máy, thêm chi nhánh phụ thuộc, công ty con, tăng quy mô, thay đổi hoạt động sản xuất kinh doanh, ...)

d. Tình hình phối hợp của các Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục

- Tình hình phối hợp của Công ty với cơ quan hải quan: ...
- Tình hình phối hợp của cơ quan hải quan với Công ty: ...

ĐẠI DIỆN CÔNG TY ...
(Ký tên, đóng dấu)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng